

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ích Yên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Viết Vĩnh

2. Bà Dương Thị Hồng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên:*  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Dương Tiến M, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân.

(Có mặt tại phiên tòa)

**Bị đơn:** Chị Dương Thị L, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: Xóm Đồng Lừa, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Công nhân.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi liên quan: Bà Dương Thị Q, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

*Nguyên đơn Anh Dương Tiến M trình bày:* Anh kết hôn với chị Dương Thị L, sinh năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 03/9/2010. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2017 sau khi sinh cháu thứ 2 thì mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu càng thêm căng thẳng, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó tới nay. Trong thời gian ở trên ngoại chị L đã có những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng gia đình anh M nhưng anh vẫn khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn nhưng chị L vẫn cương quyết không về nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn với chị Dương Thị L.

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Dương M C, sinh ngày 09/7/2011 và cháu Dương Ngọc D sinh ngày 12/9/2017. Sau khi ly hôn anh M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Dương M C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh M không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### ***Bị đơn là chị Dương Thị L trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị thừa nhận về thời điểm kết hôn theo nội dung mà anh M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, từ lúc bầu và sinh con chị L không đủ sức khỏe nên không đi làm được, chị không có nhiều tiền đưa cho mẹ chồng mà chỉ đủ nộp tiền học và mua sữa cho con nên anh M và gia đình đã có mâu thuẫn và đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần. Nay anh M xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên nhất trí ly hôn với anh M.

*Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là cháu Dương M C, sinh ngày 09/7/2011 và cháu Dương Ngọc D, sinh ngày 12/9/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con là Dương Ngọc D. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

*Về Tài sản chung; công nợ chung:* Vợ chồng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L trình bày: Chị yêu cầu anh M trích chia công sức làm dâu 10 năm với số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) vì thời gian từ tháng 8/2014 đến tháng 02/2017, hàng tháng chị có đưa cho mẹ chồng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để chi tiêu cho gia đình, mẹ anh M lấy số tiền đó để xây nhà.

Với yêu cầu của chị L, anh M có ý kiến như sau: Vợ chồng anh chị sống cùng nhà với bố mẹ để anh nên trong cuộc sống hàng ngày mẹ anh là người chi tiêu chung cho gia đình. Từ khi chị L sinh cháu đầu năm 2011 và cháu thứ hai năm 2017 là ông bà ở nhà trông cháu 2 cháu, sau này đưa đón các cháu đi học nên hàng tháng chị L có đưa tiền cho mẹ anh từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng chỉ là góp tiền cùng bà lo cho cuộc sống gia đình, đây là nghĩa vụ của chị L đối với gia đình. Nay chị L yêu cầu trích chia công sức làm dâu, anh không nhất trí.

Bà Dương Thị Q trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Dương Tiến M, chị L về làm dâu từ năm 2010, đến năm 2011 sinh cháu đầu, năm 2017 sinh cháu thứ 2, vợ chồng bà ở nhà chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu ăn học, lo chi tiêu hàng ngày cho gia đình. Chị L có đi làm nhưng lương thấp nên hàng tháng có đưa 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để bà lo cho 2 cháu ăn học, chị L yên tâm đi làm. Tiền xây nhà của vợ chồng bà là do con gái bà đưa, do vợ chồng bà tiết kiệm và đi vay mượn thêm để xây dựng nên. Đến nay chị L yêu cầu trích chia công sức làm dâu số tiền 80.000.000 đồng thì bà không nhất trí vì lẽ ra bà còn phải tính công sức bao nhiêu năm chăm sóc 2 cháu, lo cho gia đình chung của chị L và anh M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 13 tháng 5 năm 2020 và ngày 15 tháng 6 năm 2020, Thẩm phán đã kiên trì hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ để các đương sự cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 56/2010 ngày 03/9/2010. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nay anh Dương Tiến M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị L có nơi cư trú tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do anh Dương Tiến M xin ly hôn với chị Dương Thị L là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu càng thêm căng thẳng, chị L đã có những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng gia đình anh, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Chị L cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Cả hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị L đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Nay anh M đề nghị ly hôn, chị L cũng nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của anh M, cho anh M được ly hôn với chị L là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và quyền thăm nom con:

Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L thỏa thuận về quyền nuôi con đó là: anh Dương Tiến M nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương M C, sinh ngày 09/7/2011. Chị Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Ngọc D, sinh ngày 12/9/2017, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi

khác. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L không bên ai yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh M, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về Tài sản chung, công nợ chung: Anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có yêu cầu anh Dương Tiến M trích chia công sức làm dâu với số tiền 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm chị L rút lại yêu cầu này và đề nghị Tòa án không giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Dương Thị Quyên trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Dương Tiến M, chị L về làm dâu từ năm 2010, đến năm 2011 sinh cháu đầu, năm 2017 sinh cháu thứ 2, vợ chồng bà ở nhà chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu ăn học, lo chi tiêu hàng ngày cho gia đình. Chị L có đi làm nhưng lương thấp nên hàng tháng có đưa 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để bà lo cho 2 cháu ăn học, chị L yên tâm đi làm. Tiền xây nhà của vợ chồng bà là do con gái bà đưa, do vợ chồng bà tiết kiệm và đi vay mượn thêm để xây dựng nên, việc chị L yêu cầu trích chia công sức làm dâu số tiền 80.000.000 đồng thì bà không nhất trí vì lẽ ra bà còn phải tính công sức bao nhiêu năm chăm sóc 2 cháu, lo cho gia đình chung của chị L và anh M. Hội đồng xét xử thấy về nội dung này chị L đã rút yêu cầu, đồng thời cũng không có gì ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Quyên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là anh Dương Tiến M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[4]. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Dương Tiến M:

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Dương Tiến M được ly hôn chị Dương Thị L.

*Về quyền nuôi con chung:*

- Giao cho anh Dương Tiến M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương M C, sinh ngày 09/7/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Giao chị Dương Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc D, sinh ngày 12/9/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về quyền thăm nom con:* Anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh M, chị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về Tài sản chung, công nợ chung:* Anh Dương Tiến M và chị Dương Thị L đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Dương Tiến M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001031 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Án xét xử công khai ly hôn sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn (anh Dương Tiến M), Bị đơn (chị Dương Thị L); Người có quyền lợi liên quan (bà Dương Thị Quyên), báo cho những người này biết được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Dương Thành
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ích Yên**